

Đánh giá về chế độ ưu đãi  
thuế quan phổ cập GSP.  
Ý nghĩa đối với doanh nghiệp  
Việt Nam

*Trương Đình Tuyển*

# I. Khái quát về chế độ GSP

- **- Sự hình thành hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập.** Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) là kết quả cuộc đàm phán liên Chính phủ được tổ chức dưới sự bảo trợ của Hội nghị Thương mại và phát triển của Liên hiệp quốc (UNTAD). Hệ thống này dành ưu đãi về thuế nhập khẩu cho hàng hoá có xuất xứ từ các nước chậm phát triển và đang phát triển xuất khẩu vào các nước có chế độ GSP trên cơ sở đơn phương (Không đòi hỏi có đi, có lại). Mức thuế GSP thấp hơn thuế MFN, và có thể đến 0% tùy theo quy định của nước cho hưởng.
- **- Các mục tiêu chính của GSP là:**
  - - Tạo điều kiện để các nước đang phát triển thấy được khả năng tiềm tàng về mở rộng buôn bán phát sinh từ chế độ GSP và tăng cường khả năng sử dụng chế độ này.
  - - Tăng kim ngạch xuất khẩu của các nước được hưởng.
  - - Thúc đẩy công nghiệp hoá của các nước này.
  - - Đẩy mạnh mức tăng trưởng kinh tế của những nước này.
  - - Phổ biến thông tin về các quy định và thủ tục điều chỉnh buôn bán theo chế độ này.
  - - Giúp đỡ các nước được hưởng thiết lập những điểm trọng tâm trong nước để tăng cường sử dụng GSP.
  - - Cung cấp thông tin về các quy định liên quan đến thương mại như thuế chống phá giá và chống bù giá, các quy định hải quan, thủ tục giấy phép nhập khẩu, và pháp luật thương mại khác quy định các điều kiện thâm nhập thị trường các nước cho hưởng.

# Một số đặc điểm trong chế độ GSP.

- Ở một số nước cho hưởng GSP, chế độ ưu đãi phổ cập mới không có giới hạn ưu đãi. Các hạn ngạch trước kia, khối lượng xác định được miễn thuế hoặc các mức trần hạn chế khối lượng hàng xuất khẩu được hưởng ưu đãi đã được loại bỏ. Miễn giảm thuế được điều chỉnh theo mức độ nhạy cảm của sản phẩm, được chia làm bốn loại sau:
  - - Các sản phẩm rất nhạy cảm: ví dụ như sản phẩm dệt may.
  - - Các sản phẩm nhạy cảm: sản phẩm da, giày dép
  - - Các sản phẩm ít nhạy cảm: đồ trang sức, hàng điện tử và một số hàng hoá khác.
  - - Các sản phẩm không nhạy cảm: nội thất bằng gỗ, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ chơi, hàng thể thao.
- **2.4 Mức độ ưu đãi**
- Các nước cho hưởng ưu đãi quy định thuế suất ưu đãi cho chế độ GSP dựa trên mức thuế suất của chế độ đối xử tối huệ quốc (MFN).
- Nhìn chung, thuế suất ưu đãi theo chế độ GSP ở mức thấp từ khoảng vài phần trăm hoặc nhiều hơn, có những sản phẩm được miễn hoàn toàn.
- **2.5 Cơ chế bảo vệ**
- 1/ Đình chỉ chế độ GSP.
- -Ngừng vĩnh viễn.
- Nước được hưởng GSP có thể không tiếp tục được hưởng với một số hàng hoá hoặc tất cả các hàng hoá khi đã phát triển đến mức “trưởng thành”.
- Có hai dạng trưởng thành:
  - +Dạng thứ nhất dẫn tới việc xóa bỏ điều kiện hưởng GSP cho một hoặc nhiều mặt hàng của nước hưởng lợi, chẳng hạn, khi việc nhập khẩu một mặt hàng hoặc nhiều mặt hàng vượt giới hạn cạnh tranh cần thiết.
  - + Dạng thứ hai dẫn tới việc xoá bỏ bắt buộc toàn bộ điều kiện hưởng GSP của nước hưởng lợi, điều này xảy ra khi GNP tính theo đầu người của nước đó vượt quá mức ngưỡng thu nhập do Ngân hàng thế giới định ra cho các nước có thu nhập cao hoặc xoá bỏ khi nước đó không còn được xem là nước đang phát triển

# Một số đặc điểm trong chế độ GSP (tiếp)

- -Ngừng tạm thời.
- Khi một hàng hoá nhập khẩu theo GSP ảnh hưởng đến công nghiệp sản xuất mặt hàng đó trong nước, ( vượt quá mức trần về khối lượng nhập khẩu, về khối lượng, trị giá thực hiện theo quy định “giới hạn cạnh tranh cần thiết”.) nước cho hưởng ưu đãi sẽ thực hiện những biện pháp cần thiết theo cơ chế bảo vệ của hệ thống GSP.
- **2.6 Quy định đối với hàng thủ công.**
- Có nhiều nước cho hưởng ưu đãi cho phép các hàng thủ công và/hoặc sản phẩm làm bằng tay được hưởng chế độ ưu đãi đặc biệt. Chế độ này được ban hành như một bộ phận của quy chế GSP hoặc cũng có thể vượt ra ngoài phạm vi đó theo các thoả thuận riêng. Thông thường chế độ ưu đãi đối với các hàng này là miễn thuế. Tuy nhiên các quy tắc của các nước cho hưởng ưu đãi rất khác nhau ở việc xác định thế nào là hàng thủ công, mức độ ưu đãi, quản lý hạn ngạch, các loại chứng từ phải xác nhận, các yêu cầu về pháp lý phải tuân thủ v.v...
- **2.7 Quy tắc xuất xứ**
- Quy tắc xuất xứ là yếu tố chính của tất cả các chế độ GSP và việc hiểu rõ và áp dụng chính xác quy tắc này mang tính tối quan trọng trong việc thực hiện chế độ GSP.
- **- Xuất xứ cộng gộp - cộng gộp khu vực** . Hoa Kỳ có quy định xuất xứ cộng gộp.
- Nếu các thành viên của khối khu vực yêu cầu và được công nhận là khối khu vực theo GSP, tổ chức đó sẽ được coi như là một quốc gia vì mục đích của quy tắc xuất xứ GSP. Các sản phẩm sản xuất tại hai hay nhiều nước thành viên của tổ chức đó sẽ được coi là sản phẩm miễn thuế nếu các nước đó cùng nhau tạo thành tối thiểu là 35% trị giá của sản phẩm, như điều kiện đối với một quốc gia. Các giới hạn cạnh tranh cần thiết sẽ được tính cho nước xuất xứ mà không tính cho tổ chức đó. Có sáu tổ chức hiện nay được hưởng ưu đãi theo quy định này.. Ví dụ một nước trong ASEAN được Hoa Kỳ cho hưởng GSP thì hàng sản xuất ở nước đó có thể được cộng gộp các công đoạn gia công ở những nước thành viên đã được Hoa Kỳ cho hưởng GSP. Các nước khác dù là thành viên nhưng không được hưởng GSP thì không được phép cộng gộp.
- **2.8. Quy định về vận chuyển:**
- Một số nước có chế độ GSP quy định chặt chẽ về vận chuyển hàng xuất khẩu (ví dụ như Hoa Kỳ.)

## II. Các nước có chế độ GSP và các nước được hưởng GSP.

- 1.2. Các nước có chế độ GSP. Hiện nay, có 17 chế độ ưu đãi khác nhau đang hoạt động tại 42 nước phát triển, bao gồm 28 nước thành viên của EU.
  - Ngoài EU, còn có các nước : Hoa Kỳ, (đã gia hạn chế độ GSP từ tháng 10/2011 đến 31/7/2013 . Theo thông tin từ Vụ Châu Mỹ (Bộ Công Thương) từ 1/8 HK không tiếp tục gia hạn nữa. Nhật, Ô-x-trây-Lia, Niu - Di - Lân, Thụy Sĩ,, Liên minh thuế quan Nga-Kazakhstan-Belarus, các quốc gia trung lập (CIS), Ca - Na - Đa, Na - Uy, Ô-x-trây-Lia, Newzealand, Thổ Nhĩ Kỳ cũng áp dụng GSP. Tuy nhiên không phải nước nào cũng được hưởng chế độ GSP của các nước nói trên.[1]
  - **2.2 Các nước được hưởng GSP:**
  - Bao gồm những nước đang phát triển và những nước chậm phát triển. Các nước chậm phát triển thường được hưởng một chế độ đặc biệt riêng, có nhiều ưu đãi hơn các nước đang phát triển. Đối với mỗi quốc gia dành ưu đãi, các nước được hưởng được liệt kê trong danh sách ban hành kèm theo chế độ GSP. Danh sách này có thể được sửa đổi bổ sung.
  - **2.3 Hàng hoá được hưởng ưu đãi.**
  - Hàng hoá được hưởng ưu đãi được phân loại thành hai nhóm: các sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp.
  - Danh mục hàng hoá được hưởng GSP được các nước cho hưởng ban hành, có sửa đổi định kỳ và được xây dựng trên cơ sở biểu thuế xuất nhập khẩu của nước đó.
  - Việc bổ sung hay loại bỏ một mặt hàng nào đó trong Danh mục được các nước cho hưởng ưu đãi thực hiện dựa trên tình hình sản xuất trong nước mặt hàng đó.
  - **2.4 Mức độ ưu đãi**
  - Các nước cho hưởng ưu đãi quy định thuế suất ưu đãi cho chế độ GSP dựa trên mức thuế suất của chế độ đối xử tối huệ quốc (MFN).
  - Nhìn chung, thuế suất ưu đãi theo chế độ GSP ở mức thấp từ khoảng vài phần trăm hoặc nhiều hơn, có những sản phẩm được miễn hoàn toàn.
- [1] Số liệu trên đây là do Bộ Công Thương cung cấp. Tuy nhiên, theo UNTAD năm 2011, danh sách các nước có GSP như sau: Liên minh Châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Newzealand, Canada, Thụy Sĩ, Na Uy, Liên bang Nga, Belarus

### III. Các nước đang áp dụng GSP cho Việt Nam

- -Liên minh Châu Âu. (Bắt đầu từ ngày 1/1/2014 EU áp dụng chế độ GSP mới đối với Việt Nam. Theo đó Việt Nam được hưởng chế độ GSP đối với tất cả các mặt hàng.)
- -Nhật Bản,
- -Canada.
- - Thụy sĩ
- -Liên minh thuế quan Nga- Kazactan-Belarut với mức thuế bằng 75% thuế MFN.
- -Úc và New (hai nước này không đề cập đến chế độ GSP nhưng Newzealand dành ưu đãi cho các nước chậm phát triển (LDC) và kém phát triển (LLDC).Việt Nam được hưởng ưu đãi theo nhóm nước LCD.
- Úc dành ưu đãi cho các nước chậm phát triển và các nước đang phát triển với mức thuế được ký hiệu là DC hoặc DCS. Việt Nam thuộc nhóm nước được hưởng mức thuế DCS.
- Trong hiệp hội Mậu dịch tự do Châu Âu (EFTA gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland và Liechxtentin) thì chỉ Thụy Sĩ dành cho Việt Nam GSP.

# IV. Lợi ích của GSP.

- - GSP tạo thuận lợi cho các nước chậm phát triển và đang phát triển xuất khẩu hàng hoá vào các nước có GSP do mức thuế nhập khẩu được giảm thấp, qua đó mà tăng năng lực sản xuất và giải quyết việc làm và bảo đảm tăng trưởng.
- -GSP cũng có tác động nhất định đối với việc thu hút đầu tư.
- **Để có thể khai thác chế độ GSP, các doanh nghiệp phải:**
- -Nắm vững các quy định về GSP của từng nước (quy tắc xuất xứ, chế độ trưởng thành, điều kiện về cạnh tranh, quy định về vận chuyển) để tránh những vướng mắc ( thậm chí thiệt hại ) khi xuất khẩu theo chế độ này
- -Không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm, giảm chi phí, hạ giá thành nhằm tăng cường sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam;
- -Mở rộng, đa dạng hóa hơn nữa thị trường xuất khẩu, tránh tập trung xuất khẩu vào một thị trường;
- -Các hiệp hội ngành hàng, nhất là những ngành có tỷ trọng xuất khẩu cao - có khả năng bị coi là “trưởng thành” không được hưởng ưu đãi nữa, cần sớm thông tin, tuyên truyền để các doanh nghiệp thành viên của hiệp hội nhận thức rõ những khó khăn sẽ phải vượt qua, cùng các doanh nghiệp thành viên thảo luận, đề xuất, áp dụng những biện pháp cần thiết đem lại hiệu quả cao nhất cho từng doanh nghiệp và cho cả ngành hàng.

# III. các hạn chế của GSP

- -Phải làm đơn xin và phải được nước có GSP chấp nhận.
- -Thường chỉ giới hạn trong một số sản phẩm,
- Trong không ít trường hợp GSP thường kèm theo các điều kiện phi kinh tế, nhất là chế độ GSP của Hoa Kỳ.
- -Ở nhiều nước có chế độ GSP, danh mục và mức thuế GSP không cố định mà được điều chỉnh theo định kỳ, làm ảnh hưởng đến khả năng xâm nhập thị trường và do đó đến sức sản xuất mặt hàng bị điều chỉnh của nước được hưởng GSP.
- -GSP cũng làm nảy sinh tâm lý ỷ lại, không tạo sức ép để tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng và do đó, không tạo ra sự cân bằng động trong xuất khẩu- Xuất khẩu có thể tăng nhờ GSP nhưng nhập khẩu cũng tăng do sức cạnh tranh về năng suất lao động, chất lượng và giá thành trong sản xuất vẫn thấp. Yếu tố cạnh tranh do GSP mang lại là yếu tố “ngoại sinh” không phải là yếu tố nội sinh.
- -Trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc tham gia vào nhiều hiệp định mậu dịch tự do song phương và khu vực, mức thuế nhập khẩu trong các hiệp định này sẽ giảm xuống sau một thời gian thường là 10 năm (xem bảng) thì ý nghĩa của GSP cũng sẽ giảm dần và sẽ triệt tiêu. Vì vậy, cùng với việc tranh thủ tận dụng chế độ GSP, cần đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao sức cạnh tranh. Đây là con đường cơ bản nhất để tăng năng lực xuất khẩu bền vững.



# III. Các hạn chế của GSP

- -Phải làm đơn xin và phải được nước có GSP chấp nhận.
- -Thường chỉ giới hạn trong một số sản phẩm,
- Trong không ít trường hợp GSP thường kèm theo các điều kiện phi kinh tế, nhất là chế độ GSP của Hoa Kỳ.
- -Ở nhiều nước có chế độ GSP, danh mục và mức thuế GSP không cố định mà được điều chỉnh theo định kỳ, làm ảnh hưởng đến khả năng xâm nhập thị trường và do đó đến sức sản xuất mặt hàng bị điều chỉnh của nước được hưởng GSP.
- -GSP cũng làm nảy sinh tâm lý ỷ lại, không tạo sức ép để tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng và do đó, không tạo ra sự cân bằng động trong xuất khẩu- Xuất khẩu có thể tăng nhờ GSP nhưng nhập khẩu cũng tăng do sức cạnh tranh về năng suất lao động, chất lượng và giá thành trong sản xuất vẫn thấp. Yếu tố cạnh tranh do GSP mang lại là yếu tố “ngoại sinh” không phải là yếu tố nội sinh.
- -Trong điều kiện Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc tham gia vào nhiều hiệp định mậu dịch tự do song phương và khu vực, mức thuế nhập khẩu trong các hiệp định này sẽ giảm xuống sau một thời gian thường là 10 năm (xem bảng) thì ý nghĩa của GSP cũng sẽ giảm dần và sẽ triệt tiêu. Vì vậy, cùng với việc tranh thủ tận dụng chế độ GSP, cần đẩy nhanh tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao sức cạnh tranh. Đây là con đường cơ bản nhất để tăng năng lực xuất khẩu bền vững.

# IV. GSP của EU và FTA VN-EU

- Việt Nam và EU đang đàm phán FTA. Đây là một FTA tiêu chuẩn cao và gồm nhiều nội dung. Hai bên đặt mục tiêu kết thúc đàm phán vào cuối năm 2014. Nếu thực hiện đúng lộ trình thì nhiều khả năng Hiệp định sẽ có hiệu lực không muộn hơn 2016.
- Riêng về thương mại hàng hóa, hai bên thống nhất áp dụng công thức 90/7, nghĩa là sẽ đưa thuế nhập khẩu của 90% giòng thuế và kim ngạch nhập khẩu về 0% tối đa trong vòng 7 năm. Và chia ra: (i) về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực. (ii) về 0% sau 3 năm, (iii) về 0% sau 5 năm và (iv) về 0% sau 7 năm. Hai bên cũng khuyến khích cắt giảm vượt qua mức đó. và đi nhanh hơn. Do quá trình đàm phán chưa kết thúc nên chưa có tỷ lệ cụ thể cho từng mức.
- Có thể có những trường hợp sau đây:
- -Thuế GSP từng sản phẩm cụ thể bằng thuế FTA. Khi FTA có hiệu lực. Điều này FTA không tác động ngay đến những giòng thuế đang được hưởng GSP. Nhưng sẽ không bị quy chế trưởng thành và điều kiện về giới hạn cạnh tranh. (trừ thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp).
- -Thuế GSP của một số sản phẩm thấp hơn thuế trong FTA. Trong trường hợp này, nếu chúng ta vẫn tiếp tục được hưởng GSP cho những sản phẩm đó theo thông lệ ta vẫn được áp dụng thuế GSP.
- -Thuế FTA thấp hơn thuế GSP. Hàng XK của VN theo FTA sẽ được hưởng mức thuế của FTA. Và không bị những quy định về trưởng thành và giới hạn cạnh tranh ràng buộc
- Điều cần lưu ý là phải hiểu rõ quy tắc xuất xứ trong FTA và trong GSP vì chúng có thể khác nhau để lựa chọn áp dụng chế độ nào cho có lợi với từng doanh nghiệp. Cũng cần hiểu rõ các quy định khác trong chương thương mại hàng hóa của FTA.. .